## 6. Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

***a) Trình tự thực hiện:***

\* Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính đến nơi khác trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đã đăng ký, doanh nghiệp gửi Thông báo có nội dung gồm:

* 1. Tên, mã số doanh nghiệp, mã số thuế hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp doanh nghiệp chưa có mã số doanh nghiệp, mã số thuế);
	2. Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến;
	3. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

- Khi nhận Thông báo, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

\*Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi doanh nghiệp đã đăng ký, doanh nghiệp gửi Thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi dự định đặt trụ sở mới. Nội dung Thông báo gồm:

1. Tên, mã số doanh nghiệp, mã số thuế hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp doanh nghiệp chưa có mã số doanh nghiệp, mã số thuế);
2. Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến;
3. Họ, tên, số Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP *(cụ thể: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực)*, địa chỉ thường trú và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

- Khi nhận Thông báo, Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở mới trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp và gửi thông tin đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi trước đây doanh nghiệp đã đăng ký.

***b) Cách thức thực hiện:***

Doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Bộ phận một cửa Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc Người đại diện theo pháp luật nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).

***c) Thành phần hồ sơ*,** bao gồm:

\* Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính đến nơi khác trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đã đăng ký:

-Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT);

- Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên);

- Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần);

- Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của các thành viên hợp danh (đối với công ty hợp danh);

- Quyết định của chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên).

*Lưu ý: Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty.*

\* Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi doanh nghiệp đã đăng ký

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT);

- Danh sách thành viên (đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên);

- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (đối với công ty TNHH một thành viên);

- Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần);

- Danh sách thành viên hợp danh (đối với công ty hợp danh).

- Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

- Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần;

- Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh;

- Quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

*Lưu ý: Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty.*

***d) Số lượng hồ sơ****:* 01 bộ.

***đ) Thời hạn giải quyết:*** Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***e) Cơ quan thực hiện****:* Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

***g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính***: Cá nhân, tổ chức.

***h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính****:* Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

***i) Lệ phí:***

*- 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).*

*- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, do thay đổi địa giới hành chính (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).*

***k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT);

- Ngoài ra, tuỳ theo loại hình doanh nghiệp, khi đăng ký thay đổi, doanh nghiệp phải bổ sung một/một số mẫu đơn trong hồ sơ như sau:

- Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT);

- Danh sách cổ đông sáng lập (Phụ lục I-7, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT);

- Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (Phụ lục I-8, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT);

- Danh sách thành viên hợp danh (Phụ lục I-9, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT);

- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (đối với công ty TNHH một thành viên)/Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần) (Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT).

***l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:***

1. Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi.

3. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng nhưđã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật);

4. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.

5. Doanh nghiệp không được thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

a) Đã bị Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đã bị ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Đang trong quá trình giải thể theo quyết định giải thể của doanh nghiệp;

c) Theo yêu cầu của Tòa án hoặc Cơ quan thi hành án hoặc cơ quan công an.

***m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

*- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.*

**Phụ lục II-1**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP**Số: ………….. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***……, ngày…… tháng…… năm ……* |

**THÔNG BÁO**

**Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố ………

Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế)*:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở *(chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp)*:

|  |  |
| --- | --- |
| - Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp |  |
| - Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp |  |

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập*(chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp)*:

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): …………………..

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): …………………..

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

**Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:**

*(Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/*

*thông báo thay đổi và gửi kèm)*

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi *(nếu có)*:

Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi *(nếu có)*:

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

**Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:**

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax *(nếu có)*:

Email *(nếu có)*: Website *(nếu có)*:

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế *(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).*

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao *(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).*

**Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp** *(chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác)*:

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

|  |  |
| --- | --- |
| Chứng minh nhân dân | Căn cước công dân |
| Hộ chiếu | Loại khác *(ghi rõ)*:………… |

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: …………………………………………...

Ngày cấp: …./…./….Nơi cấp: …………..Ngày hết hạn *(nếu có)*: …/…/…

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/

THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (*Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó*).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

**1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:**

Vốn điều lệ đã đăng ký *(bằng số, bằng chữ, VNĐ)*:

Vốn điều lệ sau khi thay đổi *(bằng số, bằng chữ, VNĐ)*:

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Thông tin về cổ phần *(chỉ kê khai đối với công ty cổ phần)*:

Mệnh giá cổ phần:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại cổ phần** | **Số lượng** | **Giá trị (bằng số, VNĐ)** | **Tỉ lệ so với** **vốn điều lệ (%)** |
| 1 | Cổ phần phổ thông |  |  |  |
| 2 | Cổ phần ưu đã biểu quyết |  |  |  |
| 3 | Cổ phần ưu đã cổ tức |  |  |  |
| 4 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại |  |  |  |
| 5 | Các cổ phần ưu đãi khác |  |  |  |
| **Tổng số** |  |  |  |

**2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh**

*Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-9.*

(*Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH[[1]](#footnote-1)1

**1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau** *(kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh)*:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung | Mã ngành | Ghi chú |
|  |  |  |  |

**2. Bỏ ngành, nghề kinh doanhsau** *(kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh)*:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký | Mã ngành | Ghi chú |
|  |  |  |  |

**3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau***(kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh)*:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết | Mã ngành | Ghi chú |
|  |  |  |  |

**Lưu ý:**

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký, doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ

CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký *(bằng số; bằng chữ; VNĐ)*:

Vốn đầu tư sau khi thay đổi *(bằng số; bằng chữ; VNĐ)*:

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài *(nếu có):*

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Tài sản góp vốn:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tài sản góp vốn | Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ *(bằng số, VNĐ)* | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Đồng Việt Nam |  |  |
| 2 | Ngoại tệ tự do chuyển đổi *(ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)* |  |  |
| 3 | Vàng |  |  |
| 4 | Giá trị quyền sử dụng đất |  |  |
| 5 | Giá trị quyền sở hữu trí tuệ |  |  |
| 6 | Các tài sản khác *(ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)* |  |  |
| Tổng số |  |  |

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN

VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

**Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi** *(kê khai theo mẫu Phụ lục I-10)*: Gửi kèm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP,

CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN

VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

**Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:**

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa)*: Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

|  |  |
| --- | --- |
| Chứng minh nhân dân | Căn cước công dân |
| Hộ chiếu | Loại khác *(ghi rõ)*:………… |

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: …………………………………………...

Ngày cấp: …./…./….Nơi cấp: …………..Ngày hết hạn *(nếu có)*: …/…/…

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại *(nếu có)*: Fax *(nếu có)*:

Email *(nếu có)*: Website *(nếu có)*:

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

|  |  |
| --- | --- |
| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế |
| 1 | Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) *(chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật)*:Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): …………………………………..Điện thoại: ……………………………………………………………….. |
| 2 | Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (*nếu có*)[[2]](#footnote-2)2:Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: …………………………….Điện thoại: ………………………………………………………….. |
| 3 | Địa chỉ nhận thông báo thuế:Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: …………………………………Xã/Phường/Thị trấn: ……………………………………………………Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: …………………………Tỉnh/Thành phố: ………………………………………………………….Điện thoại: ……………………………Fax *(nếu có)*: …………………..Email *(nếu có)*: ………………………………………………………… |
| 4 | Ngày bắt đầu hoạt động[[3]](#footnote-3)3: …../…../……. |
| 5 | Hình thức hạch toán (*đánh dấu X vào ô thích hợp*):

|  |  |
| --- | --- |
| Hạch toán độc lập |  |
| Hạch toán phụ thuộc |  |

 |
| 6 | Năm tài chính:Áp dụng từ ngày …..…./.……. đến ngày …..…/..…….[[4]](#footnote-4)4*(Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)* |
| 7 | Tổng số lao động: ...................................................................... |
| 8 | Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không?

|  |  |
| --- | --- |
| Có | Không |

 |
|  | Phương pháp tính thuế GTGT *(chọn 1 trong 4 phương pháp)[[5]](#footnote-5)5* : |
|  | Khấu trừ |  |
| 9 | Trực tiếp trên GTGT |  |
|  | Trực tiếp trên doanh số |  |
|  |  Không phải nộp thuế GTGT |  |
| 10 | Thông tin về Tài khoản ngân hàng:

|  |  |
| --- | --- |
| Tên ngân hàng | Số tài khoản ngân hàng |
| ……………………………………………. | ……………………………………………… |
| ……………………………………………… | ……………………………………………… |

 |

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. *(Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).*

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** **CỦA DOANH NGHIỆP** (*Ký, ghi họ tên*)[[6]](#footnote-6)6  |

**Phụ lục I-6**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thành viên | Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức | Vốn góp | Thời điểm góp vốn3 | Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư *(nếu có)* |  |  |
| Giá trị phần vốn góp[[7]](#footnote-7)1 (*bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)* | Tỷ lệ (%) | Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn[[8]](#footnote-8)2 | Chữ ký của thành viên[[9]](#footnote-9)4 | Ghi chú |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| *……, ngày……tháng……năm……***NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY***(Ký, ghi họ tên)[[10]](#footnote-10)5* |

**Phụ lục I-7**

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên cổ đông sáng lập | Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức | Vốn góp[[11]](#footnote-11) | Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư *(nếu có)* |  |  |
| Tổng số cổ phần | Tỷ lệ (%) | Loại cổ phần | Thời điểm góp vốn[[12]](#footnote-12) | Chữ ký của cổ đông sáng lập[[13]](#footnote-13) | Ghi chú |
| Số lượng | Giá trị | Phổ thông | …….. |  |  |
| Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |  |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ……, ngày……tháng……năm……**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**(Ký, ghi họ tên)[[14]](#footnote-14) |

**Phụ lục I-8**

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài[[15]](#footnote-15) | Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài | Giới tính | Quốc tịch | Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân;Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức | Vốn góp[[16]](#footnote-16) | Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài4 | Ghi chú |
| Tổng số cổ phần | Tỷ lệ (%) | Loại cổ phần | Thời điểm góp vốn[[17]](#footnote-17)3 |
| Số lượng | Giá trị | Phổ thông | …….. |
| Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày……tháng……năm……***NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**(*Ký, ghi họ tên*)[[18]](#footnote-18)5  |

**Phụ lục I-9**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thành viên | Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân | Giớitính | Quốctịch | Dântộc | Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức | Vốn góp | Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư *(nếu có)* |  |  |
| Giá trị phần vốn góp[[19]](#footnote-19) (*bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có*) | Tỷ lệ (%) | Thời điểm góp vốn[[20]](#footnote-20) | Chữ ký của thành viên[[21]](#footnote-21) | Ghi chú |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** |
|  | A.Thànhviên hợp danh |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | B.Thànhviên góp vốn (*nếu có*) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *……, ngày……tháng……năm……***NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**(*Ký, ghi họ tên*)[[22]](#footnote-22) |

**Phụ lục I-10**

**DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài | Tên người đại diện theo ủy quyền | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Chỗ ở hiện tại | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú | Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác | Vốn được ủy quyền | Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền | Ghi chú |
| Tổng giá trị vốn được đại diện (*bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)* | Tỷ lệ (%) | Thời điểm đại diện phần vốn  |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| *……, ngày……tháng……năm……***NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**(*Ký, ghi họ tên)[[23]](#footnote-23)* |

1. 1 - Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư. [↑](#footnote-ref-1)
2. 2 Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2. [↑](#footnote-ref-2)
3. 3 Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. [↑](#footnote-ref-3)
4. 4

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp. [↑](#footnote-ref-4)
5. 5 Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này. [↑](#footnote-ref-5)
6. 6 Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này. [↑](#footnote-ref-6)
7. 1 Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. [↑](#footnote-ref-7)
8. 2 Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi *(ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)*

- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác *(ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)*

3

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn. [↑](#footnote-ref-8)
9. 4 Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức. [↑](#footnote-ref-9)
10. 5 Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này. [↑](#footnote-ref-10)
11. Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có. [↑](#footnote-ref-11)
12. Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn. [↑](#footnote-ref-12)
13. Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức. [↑](#footnote-ref-13)
14. Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này. [↑](#footnote-ref-14)
15. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền. [↑](#footnote-ref-15)
16. Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có [↑](#footnote-ref-16)
17. 3

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.

4 Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức. [↑](#footnote-ref-17)
18. 5 Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này. [↑](#footnote-ref-18)
19. Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản. [↑](#footnote-ref-19)
20. - Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn. [↑](#footnote-ref-20)
21. Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức. [↑](#footnote-ref-21)
22. Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này. [↑](#footnote-ref-22)
23. Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này. [↑](#footnote-ref-23)